| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRẢNG BOM**<br>TỈNH ĐỒNG NAI | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 05/2019/DS-ST
Ngày 31-5-2019
*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM- TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Mạnh Dần

*+ Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Doãn Đức Hùng và ông Nguyễn Phi Hổ

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Trọng Đại- Kiểm sát viên.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Hồng Phúc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 173/2018/TLST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*:** Ngân hàng T. Trụ sở: Tháp BIDV, số 35 H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Văn D, sinh năm 1975. Cán bộ kiểm soát phòng quản lý nội bộ của Ngân hàng T- chi nhánh B (Có mặt).

***2. Bị đơn***:

+ Bà Dương Thị C, sinh năm 1980. Trú tại: Tổ 7, ấp 1, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1976. Trú tại: khu phố 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Phan Văn D trình bày:***

Bà Dương Thị C và ông Nguyễn Văn Q đã vay tài sản của Ngân hàng T- Chi nhánh B- Phòng giao dịch T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) theo các hợp đồng tín dụng sau:

- *Hợp đồng tín dụng thứ nhất*: Ngày 01/8/2017, Ngân hàng (là bên cho vay) và Dương Thị C, ông Nguyễn Văn Q (là bên vay) đã ký Hợp đồng tín dụng số

127/2017/10039718/HĐTD. Theo đó, bà C, ông Q vay của Ngân hàng số tiền 850.000.000 đồng (tám trăm năm mươi triệu đồng); mục đích vay để hoàn tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày nhận nợ vay đầu tiên. Lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng và "Điều khoản và điều kiện vay" đính kèm hợp đồng. Biện pháp bảo đảm bao gồm hợp đồng thế chấp ký ngày 01/8/2017 và các hợp đồng bảo đảm khác được giao kết cùng ngày hoặc sau ngày ký hợp đồng tín dụng trên. Cùng ngày 01/8/2017, bà C, ông Q và Ngân hàng đã ký "Hợp đồng thế chấp bất động sản" số 127/2017/10039718/HĐBĐ. Theo đó, bà C, ông Q thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng thửa đất số 1373, tờ bản đồ số 47 xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai; quyền sử dụng thửa đất số 1374, tờ bản đồ số 47 xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai; quyền sở hữu tất cả các tài sản đã, đang và sẽ hình thành trong tương lai gắn liền với quyền sử dụng đất cũng như các công trình, máy móc, trang thiết bị do bên thế chấp cải tạo, xây dựng thêm gắn liền với quyền sử dụng đất thế chấp. Phạm vi nghĩa vụ bảo đảm bao gồm việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên thế chấp đối với Ngân hàng phát sinh từ tất cả các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng với bên thế chấp trong khoảng thời gian từ ngày 01/8/2017 đến ngày 01/8/2022. Hợp đồng thế chấp này đã được Công chứng tại Văn phòng công chứng Bình An cùng ngày; được đăng ký tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai- chi nhánh T vào ngày 02/8/2017. Ngày 02/8/2017, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Q, bà C số tiền vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên.

- *Hợp đồng tín dụng thứ hai:* Ngày 25/10/2017, Ngân hàng (là bên cho vay) và Dương Thị C, ông Nguyễn Văn Q (là bên vay) đã ký Hợp đồng tín dụng số 177/2017/10039718/HĐTD. Theo đó, bà C, ông Q vay của Ngân hàng số tiền 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng); mục đích vay để hoàn tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; thời hạn vay 240 tháng kể từ ngày nhận nợ vay đầu tiên. Lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng và "Điều khoản và điều kiện vay" đính kèm hợp đồng. Biện pháp bảo đảm bao gồm hợp đồng thế chấp được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày ký hợp đồng tín dụng. Cùng ngày 25/10/2017, bà C, ông Q và Ngân hàng đã ký "Hợp đồng thế chấp bất động sản" số 177/2017/10039718/HĐBĐ. Theo đó, bà C, ông Q thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng thửa đất số 335, tờ bản đồ số 2 xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai; quyền sở hữu tất cả các tài sản đã, đang và sẽ hình thành trong tương lai gắn liền với quyền sử dụng đất cũng như các công trình, máy móc, trang thiết bị do bên thế chấp cải tạo, xây dựng thêm gắn liền với quyền sử dụng đất thế chấp. Phạm vi bảo đảm thanh toán các nghĩa vụ đang tồn tại hoặc sẽ phát sinh trong tương lai của bên thế chấp. Hợp đồng thế chấp này đã được Công chứng tại Văn phòng công chứng Bình An cùng ngày; được đăng ký tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai- chi nhánh T vào ngày 26/10/2017. Ngày 27/10/2017, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Q, bà C số tiền vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên.

Về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hai hợp đồng tín dụng trên: Đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 127/2017/10039718/HĐTD ngày

01/8/2017 thì ông Q, bà C đã trả được số nợ gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi tính đến hết ngày 26/12/2017 là 35.583.781 đồng. Đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 177/2017/10039718/HĐTD ngày 25/10/2017 thì ông Q, bà C đã trả được số nợ gốc là 17.400.000 đồng và tiền lãi tính đến hết ngày 26/01/2018 là 32.660.167 đồng. Hai khoản vay trên đã bị quá hạn từ đầu tháng 4/2018.

Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nợ nhưng ông Q, bà C vẫn không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện bà C và ông Q các nội dung sau:

- Yêu cầu ông Q và bà C liên đới thanh toán cho Ngân hàng số tiền sau:

+ Số tiền nợ gốc và nợ lãi của khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 127/2017/10039718/HĐTD ngày 01/8/2017, tính đến hết ngày 31/5/2019 là 939.566.522 đồng.

+ Số tiền nợ gốc và nợ lãi của khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 177/2017/10039718/HĐTD ngày 25/10/2017, tính đến hết ngày 31/5/2019 là 1.586.074.127 đồng.

+ Tiền lãi phát sinh từ ngày 01/6/2019 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên.

- Nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ trên phải được đảm bảo thanh toán bằng các tài sản mà bà C, ông Q đã thế chấp như đã nêu trên.

***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:*** Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**[1]** Về tố tụng:

**[1.1]** Tuy các bên thỏa thuận thời hạn vay là 60 tháng và 240 tháng, nhưng tại mục 2 Điều 9 và mục 3 Điều 11 của "Điều khoản và điều kiện vay" mà các bên đã ký (đính kèm hợp đồng tín dụng) thì Ngân hàng có quyền khởi kiện để thu hồi nợ trước hạn do ông Q và bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

**[1.2]** Theo kết quả xác minh thể hiện, bà Dương Thị C và ông Nguyễn Văn Q hiện không có mặt tại nơi cư trú, chính quyền địa phương và Ngân hàng đều không biết họ đang sinh sống ở đâu. Ông Q, bà C thay đổi nơi cư trú được ghi trong hợp đồng tín dụng nhưng không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, theo mục 3 Điều 11 của "Điều khoản và điều kiện vay" mà các bên đã ký (đính kèm hợp đồng tín dụng) và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC thì trường hợp này được coi là cố tình giấu địa chỉ và Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục chung.

**[1.3]** Tòa án đã làm thủ tục tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông Q, bà C theo đúng quy định của tố tụng dân sự; triệu tập hợp lệ đến phiên tòa 02 lần nhưng ông Q và bà C vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

**[2]** Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập thể hiện, bà Dương Thị C và ông Nguyễn Văn Q đã vay tài sản của Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng sau:

**[2.1]** Hợp đồng tín dụng thứ nhất: Ngày 01/8/2017, Ngân hàng (là bên cho vay) và Dương Thị C, ông Nguyễn Văn Q (là bên vay) đã ký Hợp đồng tín dụng số 127/2017/10039718/HĐTD. Theo đó, bà C, ông Q vay của Ngân hàng số tiền 850.000.000 đồng (tám trăm năm mươi triệu đồng); mục đích vay để hoàn tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày nhận nợ vay đầu tiên. Lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng và "Điều khoản và điều kiện vay" đính kèm hợp đồng. Biện pháp bảo đảm bao gồm hợp đồng thế chấp ký ngày 01/8/2017 và các hợp đồng bảo đảm khác được giao kết cùng ngày hoặc sau ngày ký hợp đồng tín dụng trên. Cùng ngày 01/8/2017, bà C, ông Q và Ngân hàng đã ký "Hợp đồng thế chấp bất động sản" số 127/2017/10039718/HĐBĐ. Theo đó, bà C, ông Q thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng thửa đất số 1373, tờ bản đồ số 47 xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai; quyền sử dụng thửa đất số 1374, tờ bản đồ số 47 xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai; quyền sở hữu tất cả các tài sản đã, đang và sẽ hình thành trong tương lai gắn liền với quyền sử dụng đất cũng như các công trình, máy móc, trang thiết bị do bên thế chấp cải tạo, xây dựng thêm gắn liền với quyền sử dụng đất thế chấp. Phạm vi nghĩa vụ bảo đảm bao gồm việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên thế chấp đối với Ngân hàng phát sinh từ tất cả các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng với bên thế chấp trong khoảng thời gian từ ngày 01/8/2017 đến ngày 01/8/2022. Hợp đồng thế chấp này đã được Công chứng tại Văn phòng công chứng Bình An cùng ngày; được đăng ký tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai- chi nhánh T vào ngày 02/8/2017. Ngày 02/8/2017, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Q, bà C số tiền vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên. Bà C và ông Q mới trả được cho Ngân hàng số tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi tính đến hết ngày 26/12/2017 với số tiền là 35.583.781 đồng. Như vậy, đối với hợp đồng này, tính đến ngày xét xử (31/5/2019) thì ông Q và bà C còn nợ tổng số tiền là 939.566.522 đồng (bao gồm số tiền nợ gốc chưa trả là 800.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 131.108.713 đồng, tiền lãi quá hạn là 8.457.809 đồng).

**[2.2]** Hợp đồng tín dụng thứ hai: Ngày 25/10/2017, Ngân hàng (là bên cho vay) và Dương Thị C, ông Nguyễn Văn Q (là bên vay) đã ký Hợp đồng tín dụng số 177/2017/10039718/HĐTD. Theo đó, bà C, ông Q vay của Ngân hàng số tiền 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng); mục đích vay để hoàn tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; thời hạn vay 240 tháng kể từ ngày nhận nợ vay đầu tiên. Lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng và "Điều khoản và điều kiện vay" đính kèm hợp đồng. Biện pháp bảo đảm bao gồm hợp đồng thế

chấp được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày ký hợp đồng tín dụng. Cùng ngày 25/10/2017, bà C, ông Q và Ngân hàng đã ký "Hợp đồng thế chấp bất động sản" số 177/2017/10039718/HĐBĐ. Theo đó, bà C, ông Q thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng thửa đất số 335, tờ bản đồ số 2 xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai; quyền sở hữu tất cả các tài sản đã, đang và sẽ hình thành trong tương lai gắn liền với quyền sử dụng đất cũng như các công trình, máy móc, trang thiết bị do bên thế chấp cải tạo, xây dựng thêm gắn liền với quyền sử dụng đất thế chấp. Phạm vi bảo đảm thanh toán các nghĩa vụ đang tồn tại hoặc sẽ phát sinh trong tương lai của bên thế chấp. Hợp đồng thế chấp này đã được Công chứng tại Văn phòng công chứng Bình An cùng ngày; được đăng ký tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai- chi nhánh T vào ngày 26/10/2017. Ngày 27/10/2017, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Q, bà C số tiền vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên. Bà C và ông Q mới trả được cho Ngân hàng số tiền gốc là 17.400.000 đồng và tiền lãi tính đến hết ngày 26/01/2018 với số tiền là 32.660.167 đồng . Như vậy, đối với hợp đồng này, tính đến ngày 31/5/2019, ông Q và bà C còn nợ tổng số tiền là 1.586.074.127 đồng (bao gồm số tiền gốc chưa trả là 1.382.600.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 196.777.695 đồng và lãi quá hạn là 6.696.432 đồng).

**[2.3]** Căn cứ vào Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 thì bà C và ông Q có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 01/6/2019 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng mà các bên đã giao kết. Theo quy định tại Điều 317 Bộ luật Dân sự 2015 thì nghĩa vụ nêu trên được đảm bảo thực hiện bằng tài sản mà ông Q, bà C đã thế chấp cho Ngân hàng theo "Hợp đồng thế chấp bất động sản" số 127/2017/10039718/HĐBĐ được giao kết giữa Ngân hàng với bà Dương Thị C và ông Nguyễn Văn Q vào ngày 01/8/2017 và "Hợp đồng thế chấp bất động sản" số 177/2017/10039718/HĐBĐ được giao kết giữa Ngân hàng với bà Dương Thị C và ông Nguyễn Văn Q vào ngày 25/10/2017. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

**[3]** Về án phí: Ông Q và bà C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 317 ; Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

**Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với bà Dương Thị C và ông Nguyễn Văn Q, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

- Buộc bà Dương Thị C và ông Nguyễn Văn Q phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng T các khoản tiền sau:

+ Tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 31/5/2019 của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 127/2017/10039718/HĐTD được giao kết giữa Ngân hàng T với bà Dương Thị C và ông Nguyễn Văn Q vào ngày 01/8/2017 là: **939.566.522** đồng (chín trăm ba mươi chín triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi hai đồng); bao gồm nợ gốc chưa trả là 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn chưa trả là 131.108.713 đồng (một trăm ba mươi mốt triệu một trăm linh tám nghìn bảy trăm mười ba đồng), nợ lãi quá hạn chưa trả là 8.457.809 đồng (tám triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm linh chín đồng).

+ Tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 31/5/2019 của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 177/2017/10039718/HĐTD được giao kết giữa Ngân hàng T với bà Dương Thị C và ông Nguyễn Văn Q vào ngày 25/10/2017 là: **1.586.074.127** đồng (một tỷ năm trăm tám mươi sáu triệu không trăm bảy mươi tư nghìn một trăm hai mươi bảy đồng); bao gồm nợ gốc chưa trả là 1.382.600.000 đồng (một tỷ ba trăm tám mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng), nợ lãi trong hạn chưa trả là 196.777.695 đồng (một trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm chín mươi lăm đồng), nợ lãi quá hạn chưa trả là 6.696.432 đồng (sáu triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng).

+ Tiền lãi phát sinh tiếp theo tính từ ngày 01/6/2019 cho đến khi trả hết các khoản nợ trên theo lãi suất đã được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 127/2017/10039718/HĐTD được giao kết vào ngày 01/8/2017 và Hợp đồng tín dụng số 177/2017/10039718/HĐTD được giao kết vào ngày 25/10/2017 giữa Ngân hàng T với bà Dương Thị C và ông Nguyễn Văn Q.

- Phần nghĩa vụ liên đới nêu trên của bà Dương Thị C và ông Nguyễn Văn Q là bằng nhau và được đảm bảo thực hiện bằng các tài sản mà bà Dương Thị C và ông Nguyễn Văn Q đã thế chấp cho Ngân hàng T. Cụ thể bao gồm các tài sản sau:

+ Quyền sử dụng các thửa đất số 1373 và 1374, tờ bản đồ số 47 xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai và quyền sở hữu những tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất đó (theo "Hợp đồng thế chấp bất động sản" số 127/2017/10039718/HĐBĐ được giao kết giữa Ngân hàng T với bà Dương Thị C và ông Nguyễn Văn Q vào ngày 01/8/2017).

+ Quyền sử dụng thửa đất số 335, tờ bản đồ số 02 xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai và quyền sở hữu những tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất đó (theo "Hợp đồng thế chấp bất động sản" số 177/2017/10039718/HĐBĐ được giao kết

giữa Ngân hàng T với bà Dương Thị C và ông Nguyễn Văn Q vào ngày 25/10/2017).

**2.** Về án phí:

- Bà Dương Thị C và ông Nguyễn Văn Q mỗi người phải chịu 41.256.000 đồng (bốn mươi mốt triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 39.073.000 đồng (ba mươi chín triệu không trăm bảy mươi ba nghìn đồng), theo biên lai thu số 000844 ngày 14/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Báo cho Ngân hàng T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Dương Thị C và ông Nguyễn Văn Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án này theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Mạnh Dần**

*Mẫu 52-DS*